

TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ TRẢNG BÀNG
TỈNH TÂY NINH

Số: 28/2025/QĐST-VLĐ.

Ngày: 30-5-2025

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

QUYẾT ĐỊNH

SƠ THẨM GIẢI QUYẾT VIỆC DÂN SỰ

Về việc “Yêu cầu tuyên bố hợp đồng lao động vô hiệu”

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ TRẢNG BÀNG, TỈNH TÂY NINH

- Thành phần giải quyết việc dân sự gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên họp: Ông Phạm Văn Hạnh.

- Thư ký phiên họp: Ông Huỳnh Tấn Lộc - Thư ký Toà án nhân dân thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Trảng Bàng tham gia phiên họp: Ông Trần Hữu Nghĩa- Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 5 năm 2025 tại trụ sở Toà án nhân dân thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh mở phiên họp sơ thẩm công khai giải quyết việc lao động thụ lý số 07/2025/TLST-VLĐ ngày 21 tháng 01 năm 2025 về việc “Yêu cầu tuyên bố hợp đồng lao động vô hiệu” theo Quyết định mở phiên họp số 22/2025/QĐST-LĐ ngày 20 tháng 5 năm 2025, gồm những người tham gia tố tụng sau:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự: Chị Nguyễn Thị Bé Q, sinh năm 1997; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: ấp L, xã L, huyện D, tỉnh Tây Ninh; Vắng mặt, có đơn xin vắng mặt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Công ty TNHH H; Địa chỉ: Xưởng B đường số D, khu chế xuất V, phường A, thị xã T, tỉnh Tây Ninh;

Người đại diện theo pháp luật của Công ty: **ông CHEN ZHEN LU- Chức danh: Tổng giám đốc;** Vắng mặt, có đơn xin vắng mặt.

2. Bảo hiểm xã hội thị xã T, tỉnh Tây Ninh.

Địa chỉ: số C L, khu phố L, phường T, thị xã T, tỉnh Tây Ninh.

Người đại diện theo pháp luật: bà Lâm Thị Hồng T, chức vụ: Giám đốc Bảo hiểm xã hội thị xã T; Vắng mặt, có đơn xin vắng mặt.

3. Chị Nguyễn Thị Thu T1, sinh năm 2000; địa chỉ: ấp L, xã L, huyện D, tỉnh Tây Ninh; Vắng mặt, có đơn xin vắng mặt.

NỘI DUNG VIỆC DÂN SỰ:

Theo đơn yêu cầu và trong quá trình giải quyết việc lao động, người yêu cầu - chị Nguyễn Thị Bé Q trình bày:

Vào tháng 11/2015, do không hiểu biết pháp luật nên chị Nguyễn Thị Bé Q đã cho chị Nguyễn Thị Thu T1 (sinh năm: 2000, địa chỉ: ấp L, xã L, huyện D, tỉnh Tây Ninh) dùng giấy tờ cá nhân của chị Q để làm hồ sơ xin việc tại Công ty TNHH H (địa chỉ: đường số D Khu chế xuất V, phường A, thị xã T, tỉnh Tây Ninh), vị trí việc làm: công nhân, thời gian: từ tháng 11/2015 đến tháng 01/2019 (theo Hợp đồng lao động được ký kết tháng 11/2015). Theo đó, chị T1 có tham gia bảo hiểm (**theo số bảo hiểm xã hội cấp lần 1 số G**) với tên Nguyễn Thị Bé Q.

Trong khi đó vào năm 2015, chị Nguyễn Thị Bé Q được nhận vào làm việc tại Công ty TNHH C, địa chỉ: ấp T, xã T, huyện D, tỉnh Tây Ninh và bắt đầu tham gia bảo hiểm xã hội vào tháng 8/2015. Chị Nguyễn Thị Bé Q tham gia bảo hiểm xã hội dựa trên sổ bảo hiểm xã hội được cấp lần 1 với số sổ là **7215024459** cho đến nay.

Thời gian sau, chị Q có kiểm tra hồ sơ hưởng bảo hiểm xã hội thì phát hiện trùng quá trình đóng bảo hiểm xã hội giữa chị Q và thời gian tham gia bảo hiểm xã hội mà chị T1 mượn giấy tờ của chị Q đi làm công nhân ở Công ty TNHH H từ tháng 11/2015 đến tháng 01/2019 (03 năm 02 tháng).

Hiện tại, chị Q làm thủ tục lãnh tiền bảo hiểm xã hội thì qua kiểm tra trên hệ thống có thời gian trùng lặp về đóng bảo hiểm xã hội từ tháng 11/2015 đến tháng 01/2019 (03 năm 02 tháng) với họ tên Nguyễn Thị Bé Q ở 02 công ty khác nhau trong cùng một thời điểm trên 02 địa bàn khác nhau nên chị Q không thể lãnh tiền được.

Chị Nguyễn Thị Bé Q yêu cầu tuyên bố hợp đồng lao động của chị Nguyễn Thị Bé Q (do chị Nguyễn Thị Thu T1 ký kết) với Công ty TNHH H là vô hiệu vì vi phạm nguyên tắc trung thực của Bộ luật Lao động nhằm tạo điều kiện để chị Q lãnh tiền bảo hiểm xã hội theo quy định.

Trong quá trình giải quyết việc lao động người đại diện theo pháp luật của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là Công ty TNHH H có văn bản trình bày thể hiện trong hồ sơ:

Thời điểm Công ty TNHH H ký kết hợp đồng lao động với công nhân thì công nhân có nghĩa vụ cung cấp cho Công ty thông tin người lao động và người lao động phải chịu trách nhiệm trước pháp luật về những thông tin đã cung cấp cho Công ty nên Công ty không biết việc cho mượn giấy tờ tùy thân của công nhân.

Công ty TNHH H không có ý kiến với yêu cầu của chị Nguyễn Thị Bé Q về việc yêu cầu Tòa án tuyên bố hợp đồng lao động đã ký giữa Công ty TNHH H và chị Nguyễn Thị Bé Q (do chị Nguyễn Thị Thu T1 mượn chứng minh nhân dân để ký hợp đồng) là vô hiệu. Do thời gian đã lâu, công ty H1 không còn lưu

trữ thông tin hợp đồng lao động của chị Nguyễn Thị B Quyên nên không thể cung cấp cho Tòa án nhân dân thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh.

Ngoài ra công ty không có yêu cầu gì trong việc lao động trên. Đề nghị Tòa án nhân dân thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh giải quyết theo quy định pháp luật.

Trong quá trình giải quyết việc lao động, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan - chị Nguyễn Thị Thu T1 trình bày:

Tháng 11/2015, do không hiểu biết pháp luật nên chị có mượn chứng minh nhân dân của chị Nguyễn Thị Bé Q để làm việc tại Công ty TNHH H (địa chỉ: xưởng B, đường số D Khu chế xuất V, phường A, thị xã T, tỉnh Tây Ninh). Chị và Công ty TNHH H có ký kết hợp đồng lao động với tên của chị là Nguyễn Thị Bé Q vào tháng 11/2015 đến tháng 01/2019 và đóng BHXH cho chị với tên Q theo số sổ 7215019567. Sau đó chị xin nghỉ việc. Thời điểm chị mượn giấy chứng minh nhân dân của chị Q thì chị Q đang đi làm tại Công Ty TNHH C, địa chỉ: ấp T, xã T, huyện D, tỉnh Tây Ninh. Chị và chị Q bị trùng thời gian đóng BHXH từ tháng 11/2015 đến tháng 01/2019.

Nay chị đồng ý với yêu cầu của chị Q vì chị đã mượn giấy chứng minh nhân dân của chị Q để đi làm.

Trong quá trình giải quyết việc lao động - người đại diện theo pháp luật của Bảo hiểm xã hội thị xã T, tỉnh Tây Ninh bà Lâm Thị Hồng T có văn bản trình bày thể hiện trong hồ sơ: Kiến nghị Tòa án nhân dân thị xã Trảng Bàng xem xét tuyên bố hợp đồng lao động giữa chị Nguyễn Thị Bé Q1 và Công ty TNHH H vô hiệu.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Trảng Bàng phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng và việc giải quyết yêu cầu:

- Việc chấp hành pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Thư ký và Hội đồng phiên họp từ khi thụ lý cho đến khi mở phiên họp: Thẩm phán thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn theo đúng quy định tại Điều 48 Bộ luật tố tụng dân sự. Hội đồng xét đơn yêu cầu đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về việc giải quyết việc lao động. Người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng, đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của pháp luật.

- Về việc giải quyết vụ án: Căn cứ các Điều 15, 16, 49, 50, 51 Bộ luật lao động và Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Đề nghị Hội đồng giải quyết việc lao động xem xét quyết định:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu giải quyết việc lao động của Chị Nguyễn Thị Bé Q. Tuyên bố hợp đồng lao động giữa chị Nguyễn Thị Bé Q1 với Công ty TNHH H (thực tế do chị Nguyễn Thị Thu T1 ký) là vô hiệu.

2. Đương sự phải chịu lệ phí sơ thẩm giải quyết việc lao động theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ việc lao động được thẩm tra tại phiên họp; ý kiến của các đương sự và đại diện Viện kiểm sát tại phiên họp, Tòa án nhân dân thị xã Trảng Bàng nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Người yêu cầu đề nghị Tòa án nhân dân thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh tuyên bố hợp đồng lao động vô hiệu, thuộc quy định tại khoản 1 Điều 33 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Hợp đồng lao động được giao kết và thực hiện là tại Công ty TNHH H Địa chỉ: xưởng B, đường số D, khu chế xuất V, phường A, thị xã T, tỉnh Tây Ninh nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Trảng Bàng theo điểm v khoản 2 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Trong quá trình giải quyết, người yêu cầu chị Nguyễn Thị Bé Q, người đại diện theo pháp luật của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là Bảo hiểm xã hội thị xã T, tỉnh Tây Ninh, Công ty TNHH H và chị Nguyễn Thị Thu T1 vắng mặt, có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt nên căn cứ quy định tại khoản 2, khoản 3 Điều 367 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành mở phiên họp vắng mặt các đương sự trên là phù hợp.

[2] Đối với yêu cầu của chị Nguyễn Thị B Quyên đề nghị Tòa án tuyên bố hợp đồng lao động đã ký Công ty TNHH H và chị Nguyễn Thị Bé Q (do chị Nguyễn Thị Thu T1 sử dụng chứng minh nhân dân của chị Nguyễn Thị Bé Q để ký hợp đồng) là vô hiệu: Xét thấy việc chị Nguyễn Thị Thu T1 sử dụng thông tin cá nhân của chị Nguyễn Thị Bé Q để giao kết hợp đồng lao động với Công ty TNHH H là gian dối. Hành vi trên là vi phạm nguyên tắc “*Trung thực*” theo quy định tại khoản 1 Điều 15 của Bộ luật lao động, vi phạm nghĩa vụ cung cấp thông tin khi giao kết hợp đồng lao động vô hiệu theo quy định tại khoản 2 Điều 16 của Bộ luật lao động, thuộc trường hợp đồng lao động về điều kiện lao động và quan hệ lao động.

[3] Quá trình làm việc, người đại diện theo pháp luật của Bảo hiểm xã hội thị xã T đã cung cấp thời thông tin về gian đóng bảo hiểm xã hội của chị Nguyễn Thị Bé Q bị trùng tháng 11/2015 đến tháng 01/2019, phù hợp với thông tin chị Nguyễn Thị Bé Q cung cấp. Do đó, chị Nguyễn Thị Bé Q yêu cầu tuyên bố hợp đồng lao động được ký kết giữa Công ty TNHH H với chị Nguyễn Thị Bé Q (do chị Nguyễn Thị Thu T1 sử dụng thông tin của chị Nguyễn Thị B Quyên để ký) có cơ sở chấp nhận.

[4] Về lệ phí: chị Nguyễn Thị Bé Q phải chịu theo quy định.

[5] Ý kiến và đề nghị của kiểm sát viên tại phiên họp phù hợp với nhận định của Tòa án nên chấp nhận.

Từ các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 15, 16, 49, 50, 51 của Bộ luật lao động;

Căn cứ vào các Điều 33, 39, 149, 367, 372, 401, 402 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 37 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu giải quyết việc lao động của chị Nguyễn Thị Bé Q.

Tuyên bố hợp đồng lao động giữa chị Nguyễn Thị Bé Q, sinh năm 1997; số căn cước công dân: 072197003918; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: ấp L, xã L, huyện D, tỉnh Tây Ninh (do chị Nguyễn Thị Thu T1 ký kết) với Công ty TNHH H là vô hiệu.

Các bên có quyền và nghĩa vụ liên hệ cơ quan có thẩm quyền để thực hiện các thủ tục liên quan đến bảo hiểm theo quy định của pháp luật.

2. Lệ phí sơ thẩm giải quyết việc lao động: chị Nguyễn Thị Bé Q phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng, cho khấu trừ số tiền 300.000 đồng tạm ứng đã nộp theo biên lai thu số **0012236** ngày 20 tháng 01 năm 2025 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh. Ghi nhận chị Q đã nộp xong.

3. Quyền kháng cáo, kháng nghị:

Chị Nguyễn Thị Bé Q, chị Nguyễn Thị Thu T1, Công ty TNHH H và Bảo hiểm xã hội thị xã T, tỉnh Tây Ninh có quyền kháng cáo quyết định này trong thời hạn 10 ngày nhận được quyết định hoặc kể từ ngày quyết định được thông báo, niêm yết.

Viện kiểm sát nhân dân thị xã T, tỉnh Tây Ninh có quyền kháng nghị quyết định giải quyết việc lao động trong thời hạn 10 ngày, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh được quyền kháng nghị trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày Tòa án ra quyết định.

4. Trong trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND thị xã Trảng Bàng;
- Chi cục THADS Tx Trảng Bàng;

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN HỌP

(Đã ký và đóng dấu)

Phạm Văn Hảnh

- Các đương sự;
- Lưu HS; Lưu án văn.